

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 21/7/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thanh.

2. Ông Lương Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2022/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị A**, sinh năm 1999.

Trú tại: Xóm M, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: Bản A, xã CQ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đang được tạm gửi tại Cơ sở cai nghiện ma túy số H tỉnh Nghệ An – xóm T, xã NY, huyện NL, tỉnh Nghệ An, trong thời gian chờ lập hồ sơ và bị xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc”. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2022 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Thị A trình bày:

Chị Trương Thị A đăng ký kết hôn với anh Trần Ngọc T vào ngày 19/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã CQ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hai vợ chồng

chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống chung anh T không tu chí làm ăn, chỉ ham chơi, đua đòi, tụ tập bạn bè, sa vào tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy và bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc, ngoài ra trong cuộc sống thường ngày anh T còn có hành vi vũ phu đánh đập, chửi mắng chị nhiều lần, nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và tương lai lâu dài nên chị Trương Thị A kiên quyết giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn đối với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, hai vợ chồng có 01 người con chung tên là Trần Nhật A1, sinh ngày 05/8/2017. Bản thân anh T hiện đang bị xem xét đưa đi cai nghiện bắt buộc, không đủ điều kiện nuôi con, chị A đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai như sau:

Giữa anh T và chị Trương Thị A tổ chức đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã CQ, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, nguyên nhân do lỗi của anh T không làm chủ được mình, dẫn đến nghiện chất ma túy, chị A không chấp nhận tha thứ nên xin được giải quyết ly hôn, bản thân anh T thấy không thể níu kéo được tình cảm vợ chồng đề đoàn tụ nên đồng ý giải quyết ly hôn với chị Trương Thị A.

Vợ chồng có 01 người con chung tên là Trần Nhật A1, sinh ngày 05/8/2017, do hiện tại anh T đang bị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, nên khi giải quyết ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, hai bên không có tranh chấp gì nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình

giải quyết vụ án do bị đơn đang trong thời gian gửi chờ xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc nên không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn có đơn xin được giải quyết vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Trương Thị A được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Giao con chung Trần Nhật A1, sinh ngày 05/8/2017 cho chị Trương Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Ngọc T, việc giao nuôi con được thực hiện kể từ tháng 8 năm 2022 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Giữa hai bên không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung và nợ chung, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị A có đơn, yêu cầu giải quyết xin ly hôn đối với anh Trần Ngọc T, đề nghị giao con chung cho chị A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Trần Ngọc T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản A, xã CQ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn hiện đang trong thời gian tạm gửi chờ để lập hồ sơ xem xét áp dụng biện pháp XLHC đưa vào

cơ sở cai nghiện bắt buộc, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin được giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa của Tòa án, do đó cần áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị A và anh Trần Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã CQ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống một thời gian vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bản thân anh T sa vào tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy, chị Trương Thị A xác định cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không có tương lai lâu dài. Trong quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải đoàn tụ được, quá trình lấy lời khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị A giữ nguyên ý kiến kiên quyết xin được ly hôn đối với anh Trần Ngọc T và anh T có ý kiến đồng ý giải quyết ly hôn với chị Trương Thị A. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng có ý kiến không quay trở lại đoàn tụ với nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị A đối với anh Trần Ngọc T.

[3] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, cũng như ý kiến của các đương sự, xét thấy hiện tại anh T đang trong thời gian bị xem xét áp dụng biện pháp XLHC đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, con chung đang còn nhỏ cần sự gần gũi, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên xem xét giao con chung Trần Nhật A1, sinh ngày 08/5/2017 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Ngọc T là hợp tình, hợp lý. Việc giao con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần được thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị A và anh Trần Ngọc T đều có ý kiến thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị A được ly hôn anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Nhật A1, sinh ngày 05/08/2017 cho chị Trương Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Ngọc T, việc giao con chung cho chị Trương Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng được thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị A chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006866 ngày 06/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã CQ, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông